

## ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN MÔN LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

**Câu 1: Phân tích các chức năng của tiền tệ. Trong quá trình tổ chức và quản lý nền kinh tế ở Việt Nam, các chức năng đó đã được nhận thức và vận dụng như thế nào?**

**Lời giải:**

1. Khái quát về sự ra đời của tiền tệ
2. Phân tích các chức năng (theo quan điểm của Karl Marx) sau đây:  
Chức năng làm thước đo giá trị.  
Chức năng làm phương tiện lưu thông.  
Chức năng làm phương tiện thanh toán.  
Chức năng làm phương tiện cất trữ.  
Chức năng làm tiền tệ thế giới.
3. Liên hệ với sự nhận thức và vận dụng ở nền kinh tế Việt Nam.

**Câu 2: Quy luật của lưu thông tiền tệ của K. Marx và sự vận dụng quy luật lưu thông tiền tệ trong điều kiện nền kinh tế thị trường?**

**Lời giải:**

Vai trò của lưu thông tiền tệ và yêu cầu phải quản lý lưu thông tiền tệ:

- Khái niệm về lưu thông tiền tệ: Lưu thông tiền tệ là sự vận động của tiền tệ trong nền kinh tế, phục vụ cho các quan hệ về thương mại hàng hoá, phân phối thu nhập, hình thành các nguồn vốn và thực hiện phúc lợi công cộng.
- Vai trò của lưu thông tiền tệ đối với sự phát triển và ổn định của nền kinh tế thị trường: Lưu thông tiền tệ và quá trình phân phối và phân phối lại
- Lưu thông tiền tệ và quá trình hình thành các nguồn vốn

Yêu cầu phải quản lý lưu thông tiền tệ:

- Xuất phát từ vai trò của lưu thông tiền tệ.
- Xuất phát từ các trạng thái không ổn định của lưu thông tiền tệ và ảnh hưởng tới sự phát triển của nền kinh tế.
- Từ việc nghiên cứu quản lý lưu thông tiền tệ, K. Marx phát hiện ra quy luật lưu thông tiền tệ.

Quy luật lưu thông tiền tệ của K. Marx:

- Yêu cầu :  $M = \frac{PQ}{V}$

- Nội dung quy luật: khối lượng tiền cần thiết (M) cho lưu thông trong một thời gian nhất định phụ thuộc vào tổng giá cả của hàng hoá được sản xuất và đưa vào lưu thông (SPQ) và tốc độ lưu thông tiền tệ trong thời gian đó.

Ý nghĩa: Đặt nền tảng cho cơ sở khoa học và phương pháp luận của việc quản lý lưu thông tiền tệ.

Nhận xét: Những đóng góp và hạn chế của quy luật LTTT của K. Marx.

Giải quyết cơ sở phương pháp luận và lý luận để quản lý và điều hoà lưu thông tiền tệ, tuy nhiên:

- Những giả thiết không thực tiễn: chưa có một nền kinh tế nào có thể thoả mãn các điều kiện giả thiết của K. Marx.
- Không có tính hiện thực

Mức cung tiền tệ và sự xác định mức cung tiền tệ:

- Khái niệm về cung tiền tệ: Tổng giá trị của các PTTT trong nền kinh tế – Về thực chất là những tài sản có khả năng chuyển hoá (liquidity) ở mức độ nhất định.
- Thành phần mức cung tiền: Được phân định theo khả năng chuyển hoá, bao gồm M1 gồm tiền mặt và những tài sản được coi như tiền mặt; M2 gồm M1 và những tài sản có khả năng chuyển hoá thấp hơn như tiền tiết kiệm, tiền gửi trên các tài khoản kinh doanh trên thị trường tiền tệ...; M3 gồm M2 và một số tài sản khác có khả năng chuyển hoá thấp hơn ví dụ như tiền gửi của các công ty kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, giấy chứng nhận sở hữu bất động sản, trái phiếu Chính phủ. Và cứ như vậy tùy theo sự phát triển của hệ thống tài chính của từng nước mà thành phần của mức cung tiền tệ có thể kéo dài thêm.
- Các nhân tố ảnh hưởng tới mức cung tiền tệ: Thu nhập, Lãi suất, Giá cả và các biến số khác phản ánh sự biến động của nền kinh tế xã hội.

Mức cầu tiền tệ và sự xác định mức cầu:

- Khái niệm cầu tiền tệ: Là nhu cầu của công chúng hay nền kinh tế đối với việc nắm giữ tiền, hay là những tài sản có tính thanh khoản.
- Thành phần của cầu tiền tệ: Có nhiều quan điểm khác nhau về thành phần cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu tiền tệ.
- Các nhân tố ảnh hưởng tới mức cầu tiền tệ: Thu nhập, Lãi suất, Giá cả, Tồn suất thanh toán, Lợi tức kỳ vọng của việc đầu tư vào các tài sản khác có liên quan đến tiền.

Điều tiết cung và cầu tiền tệ:

- Việc điều tiết cung và cầu tiền tệ trong điều kiện nền kinh tế thị trường phải dựa vào các tín hiệu thị trường (mức chung giá cả, tỷ giá hối đoái và tình hình tăng trưởng kinh tế) sao cho MS

Thực trạng quản lý lưu thông tiền tệ ở Việt Nam :

- Trước 1980 theo qui luật của K. Maxr: Lạm phát và không kiểm soát được tình hình lạm phát dẫn đến khủng hoảng trong lưu thông tiền tệ vào những năm 1980 – 1988
- Sau 1988, quản lý lưu thông tiền tệ là một chức năng riêng biệt của ngân hàng Trung ương và chúng ta quản lý theo các nội dung:
- Xây dựng cơ sở phát hành tiền vào lưu thông:
- Cơ sở phát hành tiền: Dự trữ tài sản quốc gia
- Phát hành phải tuân thủ qui luật và các quan hệ khác trong nền kinh tế
- Kết quả bước đầu của việc thực hiện quản lý lưu thông tiền tệ

**Câu 3: Vai trò của tiền tệ trong nền kinh tế thị trường. Sự nhận thức và vận dụng vai trò của tiền tệ trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay?**

**Lời giải:**

Khái quát sự ra đời và các chức năng của tiền tệ.

- Tiền tệ ra đời là một tất yếu khách quan từ sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá (nền kinh tế - xã hội).
- Tiền tệ thực hiện các chức năng giúp cho sản xuất - tiêu dùng hàng hoá phát triển và vì vậy mà trở thành một trong các công cụ hữu hiệu để tổ chức và quản lý nền kinh tế.

Vai trò của tiền tệ trong quản lý kinh tế vĩ mô

- Là công cụ để xây dựng các chính sách vĩ mô (CSTT, CSTK, CSTG, CSCNH, CSKTĐN, v.v...)
- Là đối tượng và cũng là mục tiêu của các chính sách kinh tế vĩ mô: ổn định tiền tệ là cơ sở của sự ổn định kinh tế; ổn định đồng tiền là sự ổn định của nền kinh tế, nền kinh tế ổn định thì phải có sự ổn định tiền tệ.

Vai trò của tiền tệ trong quản lý kinh tế vi mô:

- Hình thành vốn của các doanh nghiệp - điều kiện cơ bản và thiết yếu để tiến hành bất kỳ quá trình và loại hình sản xuất kinh doanh nào (Xuất phát từ hàm sản xuất  $P = F(K,L,T)$  cho thấy tất cả các yếu tố K, L, T đều có thể được chuyển giao hoặc thoả mãn nếu như DN có Vốn)
- Là căn cứ xây dựng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế nhằm so sánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp khác nhau với nhau.

- Là căn cứ xây dựng các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh: tìm ra phương án tối ưu
- Là cơ sở để thực hiện và củng cố hạch toán kinh tế
- Là cơ sở để thực hiện phân phối và phân phối lại trong các doanh nghiệp nhằm phát triển sản xuất và đảm bảo đời sống xã hội.
- Công cụ để phân tích kinh tế và tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở đó, tiến hành lựa chọn đầu tư đúng đắn.

#### Liên hệ với sự nhận thức và vận dụng ở Việt Nam :

- Trước những năm cải cách kinh tế (1980) nhận thức về tiền tệ không đầy đủ và chính xác - coi nhẹ đồng tiền do vậy tiền tệ không thể phát huy vai trò tác dụng, trái lại luôn bị mất giá và không ổn định gây khó khăn và cản trở cho quá trình quản lý và sự phát triển kinh tế.
- Từ những năm 1980, do nhận thức lại về tiền tệ, nhà nước đã thực hiện xóa bỏ bao cấp, thực hiện cơ chế một giá và tôn trọng đồng tiền với vai trò xứng đáng là công cụ để tổ chức và phát triển kinh tế - do vậy mà việc sử dụng tiền tệ có hiệu quả kinh tế cao hơn, đáp ứng nhu cầu của quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường

#### **Câu 4: Nguyên nhân và hậu quả của lạm phát?**

##### **Lời giải:**

Những vấn đề chung về lạm phát:

- Các quan điểm khác nhau về lạm phát
- Phân loại lạm phát.

Nguyên nhân của lạm phát nói chung: Lạm phát xảy ra ở các nước khác nhau có thể có những nguyên nhân khác nhau, song nhìn chung có bốn nhóm sau:

- Cầu kéo
- Chi phí đẩy
- Bội chi ngân sách
- Tăng trưởng tiền tệ quá mức

Nguyên nhân lạm phát ở Việt Nam: ở Việt Nam, lạm phát xảy ra trong các giai đoạn khác nhau cũng có những nguyên nhân khác nhau. Các nguyên nhân này về cơ bản cũng được giải thích từ các nguyên nhân cơ bản trên, song cũng cần phải nói thêm những nguyên nhân trực tiếp của mỗi thời kỳ:

- Giai đoạn 1985-1990 và 1991-1992:
  - Cải cách bất hợp lý và không triệt để, bởi vì yếu kém trong quản lý kinh tế.
  - Bội chi ngân sách kéo dài và ngày càng trầm trọng.

- Lạm phát qua tín dụng.
- Phát hành bù đắp chi tiêu
- Đầu tư và sử dụng vốn kém hiệu quả.
- Giai đoạn 2004:
  - Kết quả của chính sách kích cầu cuối những năm 1998-2001
  - Phát hành đáp ứng nhu cầu chi tiêu, đặc biệt SEAGMAES-22
  - Sức ép đầu tư và phát triển theo nhu cầu hội nhập
  - Khả năng kiểm soát vĩ mô
  - ảnh hưởng khách quan: bệnh dịch, khủng hoảng, thị trường quốc tế.

Các giải pháp chống lạm phát (ổn định tiền tệ ).

- Đông kết giá cả.
- Vận hành Chính sách Tài khoá: Thắt chặt Ngân sách Nhà nước.
- Vận hành chính sách tiền tệ quốc gia: Thắt chặt tiền tệ.
- Hạn chế tín dụng: Theo quy mô doanh nghiệp và hạn mức tín dụng.
- Tuân thủ các nguyên tắc phát hành, quản lý lưu thông tiền tệ của ngân hàng Trung ương và thực hiện quản lý vĩ mô đối với các ngân hàng thương mại.
- Thực hiện các chương trình điều chỉnh cơ cấu.

ở Việt nam: Ngoài các giải pháp trên, Nhà nước còn thực hiện các giải pháp căn cứ vào những đặc điểm đặc thù:

- Tiếp tục cải cách hành chính và sắp xếp lại DNNN, giảm áp lực tăng lương.
- Chấn chỉnh hoạt động của một số lĩnh vực độc quyền: nhập khẩu sắt thép, xăng dầu...
- Chống tham nhũng và thực hiện Luật Ngân sách.

### **Câu 5: Lãi suất và vai trò của lãi suất đối với sự phát triển kinh tế?**

#### **Lời giải:**

Khái niệm về lãi suất - phân biệt lãi suất và các phạm trù kinh tế khác

Các loại lãi suất - phép đo lường:

- Lãi đơn
- Lãi suất tích hợp
- Lãi suất hoàn vốn và tỷ lệ nội hoàn về bản chất chính là lãi suất tích hợp.

Các phân biệt về lãi suất:

- Lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực
- Lãi suất và lợi nhuận hay lợi tức Lãi suất cơ bản của ngân hàng

- Lãi suất thị trường.

Vai trò của lãi suất:

- Điều kiện tồn tại và phát triển ngân hàng, các hoạt động tiền tệ- tín dụng.
- Đòn bẩy kinh tế củng cố và tăng cường hạch toán kinh tế và hiệu quả của sản xuất kinh doanh.
- Công cụ điều tiết vĩ mô- chính sách tiền tệ quốc gia, điều chỉnh cơ cấu, điều tiết tăng trưởng thông qua điều tiết tổng đầu tư
- Thu hút ngoại tệ và đầu tư nước ngoài.
- Phát triển thị trường tài chính và thị trường chứng khoán.

### **Câu 6: Phân tích các chức năng của ngân hàng thương mại.**

**Lời giải:**

Khái niệm ngân hàng thương mại: Các quan niệm khác nhau về ngân hàng thương mại.

Các chức năng của ngân hàng thương mại

- Thủ quỹ của doanh nghiệp:
  - Nhận tiền gửi của doanh nghiệp
  - Cho vay đối với doanh nghiệp
  - Thanh toán cho các doanh nghiệp
- Tạo tiền: Mô tả quá trình tạo tiền qua mô hình đơn (chú ý các giả thiết ).
- Trung gian tài chính và tín dụng
- Trung gian tín dụng: Làm cho nguồn tiết kiệm- đầu tư gặp gỡ và thoả mãn nhu cầu về vốn
- Trung gian tài chính:

Thực trạng về hoạt động ngân hàng thương mại ở Việt nam

- Các chức năng cơ bản: Đã thực hiện tuy chưa được phát huy đầy đủ.
- Hoạt động bó hẹp trong các chức năng và nghiệp vụ đơn giản: Còn trong tình trạng độc canh tín dụng
- Công nghệ đơn giản.
- Hệ thống thanh toán chưa phát triển. 4- Các giải pháp củng cố và phát triển.
- Hiện đại hoá trang thiết bị và cơ sở vật chất
- Nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên
- Đa dạng hoá các hoạt động cung cấp dịch vụ
- Đa dạng hoá các hoạt động - Huy động và sử dụng vốn.
- Tăng cường tự chủ tài chính cho các ngân hàng thương mại.

**Câu 7. Từ bảng cân đối tài sản của ngân hàng thương mại dạng đơn giản hãy trình bày ý nghĩa của tiền cho vay và vấn đề quản lý tiền cho vay của ngân hàng thương mại. Liên hệ với thực tiễn hoạt động ngân hàng thương mại ở Việt Nam?**

**Lời giải:**

Khái quát chung về ngân hàng thương mại:

- Khái niệm về ngân hàng thương mại.
- Chức năng và vai trò của ngân hàng thương mại.

Trình bày bảng cân đối tài sản (tổng kết tài sản) của ngân hàng thương mại như trong bài giảng

ý nghĩa của tiền cho vay:

- Là khoản sử dụng vốn chủ yếu, mang lại lợi ích kinh tế quan trọng, quyết định đến việc tồn tại và phát triển của ngân hàng thương mại, đặc biệt là các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- Tiền cho vay cũng là sử dụng vốn quan trọng đáp ứng nhu cầu vốn để ổn định hoạt động các doanh nghiệp và phát triển nền kinh tế.
- Song, tiền cho vay cũng là khoản mục có mức độ rủi ro và nguy cơ phá sản ngân hàng cao nhất, tác động xấu đến sự ổn định và phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Quản lý đối với tiền cho vay:

- Mục đích: chống rủi ro về trì hện và thất thoát vốn, chống rủi ro mất khả năng thanh toán của ngân hàng thương mại
- Các nguyên tắc quản lý tiền cho vay:
  - Sàng lọc phân loại khách hàng
  - Chuyên môn hoá và quan hệ lâu dài với khách hàng
  - Tài sản thế chấp và số dư bù
  - Hạn chế tín dụng
  - Tương hợp ý muốn 5- ở Việt Nam:

Các ngân hàng thương mại Việt Nam cho vay với các nguyên tắc song mới chỉ thực hiện các nguyên tắc của tín dụng ngân hàng đối với khách hàng. Điều quan trọng hơn là các nguyên tắc này hoặc là chỉ tồn tại trên hình thức hoặc là có thực hiện song không có cơ sở pháp lý buộc mà thực trạng hoạt động cho vay là: nợ dây dưa khó đòi quá lớn, đặc biệt trong các doanh nghiệp quốc doanh; Mất vốn do khách hàng không trả; Đầy dẫy lựa chọn đối nghịch và đầu tư sai hướng và trong khi khách hàng cần vốn thực sự cho sản xuất kinh doanh lại không được giải quyết cho vay (thiếu tài sản bảo đảm). Ngược lại, các ngân hàng



thương mại kinh doanh không có hiệu quả phải chịu ứ đọng vốn hoặc lỗ vốn do không cho vay được Giải pháp khắc phục

Về phía nhà nước:

- Củng cố tăng cường pháp luật
- Thông tin đại chúng về các doanh nghiệp dư nợ chậm trả Về phía ngân hàng trung ương:
- Hoàn thiện thể lệ tín dụng
- Xây dựng chiến lược và chính sách sử dụng vốn đối với các ngân hàng thương mại.

Đối với các ngân hàng thương mại:

- Đổi mới phương pháp quản lý tiền cho vay theo các nguyên tắc nêu trên. Cải tiến phương thức tiếp cận khách hàng và phương thức cho vay
- Nâng cao trình độ nghiệp vụ và phẩm chất chuyên môn của cán bộ
- Tôn trọng và đứng về phía những khách hàng có động cơ và nhu cầu đúng đắn

**Câu 8: Phân tích các hoạt động cơ bản của NHTM. Liên hệ với các hoạt động NHTM ở Việt Nam?**

**Lời giải:**

1. Khái quát chung về ngân hàng thương mại:

- Khái niệm
- Vai trò và chức năng

2. Các hoạt động cơ bản của NHTM thể hiện thông qua các nghiệp vụ cơ bản

Hoạt động huy động vốn (Nghiệp vụ Nợ):

- Kết cấu các loại nguồn vốn
- Nhận xét từng khoản mục thành phần

Hoạt động sử dụng vốn (Nghiệp vụ Có):

- Kết cấu các loại sử dụng vốn
- So sánh các loại sử dụng vốn, nhận xét

Hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính (Nghiệp vụ trung gian):

- Chuyển tiền
- Thanh toán không dùng tiền mặt, trong nước và quốc tế.
- Cung cấp dịch vụ tài chính và ngân hàng tiện ích

Mối quan hệ giữa các nghiệp vụ:

- Các nghiệp vụ có quan hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau.

Liên hệ hoạt động ngân hàng ở Việt Nam: Nghiên cứu thêm các câu 11 và 12.



- Các NHTM Việt Nam mới chỉ thực hiện các nghiệp vụ thông thường truyền thống Nợ - Có và Trung gian thanh toán không dùng tiền mặt. Trong các nghiệp vụ Có chủ yếu là cho vay. Vì vậy hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam còn đơn điệu và chưa có hiệu quả với cả nền kinh tế và bản thân ngân hàng thương mại, trong khi đó mức độ rủi ro lại rất cao.
- Khắc phục: Nghiên cứu thêm các câu 11 và 12.
- Đẩy mạnh các hoạt động Trung gian: củng cố và hoàn thiện các hoạt động thanh toán
- Đẩy mạnh các hoạt động Trung gian tài chính và cung cấp dịch vụ.

**Câu 9: Thành phần mức cung tiền tệ và các nhân tố ảnh hưởng đến mức cung tiền tệ trong nền kinh tế thị trường. ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu?**

**Lời giải:**

Mức cung tiền tệ

- Khái niệm: Tổng giá trị của các phương tiện thanh toán được chấp nhận (có mức độ thanh khoản nhất định) trong nền kinh tế
- Thành phần: Tuỳ theo trình độ phát triển, các quốc gia có thể xác định tổng mức cung tiền tệ theo khả năng thanh khoản giảm dần của các phương tiện thanh toán như sau:
  - $M_1$  gồm: Tiền mặt trong lưu thông (C) và tiền gửi không kỳ hạn (D).
  - $M_2 = M_1 + \text{CDs} + \dots$
  - $M_3 = M_2 + \dots$
  - $M_4 = M_3 + \dots$

Các nhân tố ảnh hưởng tới mức cung tiền tệ:

- Thu nhập- quan hệ thuận
- Mức giá
- Lãi suất - quan hệ thuận
- Các yếu tố xã hội của nền kinh tế .

® Hàm cung tiền:  $M^S = d(g^+, P, i^+, Z)$

Trong đó: -Y là thu nhập

-P là mức giá trong nền kinh tế

-i là lãi suất trong nền kinh tế

-Z là các yếu tố xã hội của nền kinh tế

Ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

- Xác định mức cung tiền tệ ở Việt Nam: Sự khác biệt với các nước khác về tỷ trọng tiền mặt, song song là ngoại tệ mạnh đặc biệt là USD, và Vàng cũng tham gia vào mức cung tiền tệ. Trong khi đó, tỷ lệ M2/GDP (Financial Deepening) luôn ở mức thấp so với các quốc gia khác.
- Khác với điều kiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, nền kinh tế thị trường đòi hỏi việc xác định mức cung và điều tiết cung cầu tiền tệ theo “các tín hiệu” của thị trường. Căn cứ vào những diễn biến của nền kinh tế, xã hội và thông qua các nhân tố ảnh hưởng để kiểm soát và có những giải pháp tác động điều tiết lượng tiền cung ứng.

### **Câu 10: Lưu thông tiền tệ ở Việt Nam và biện pháp khắc phục?**

#### **Lời giải:**

Khái niệm về lưu thông tiền tệ và vai trò của lưu thông tiền tệ

- Khái niệm: Lưu thông tiền tệ là sự vận động của tiền tệ trong nền kinh tế, phục vụ cho các quan hệ về thương mại hàng hoá, phân phối thu nhập, hình thành các nguồn vốn và thực hiện phúc lợi công cộng.
- Vai trò của lưu thông tiền tệ: Đối với sự ổn định và tăng trưởng nền kinh tế
  - Lưu thông tiền tệ và chu chuyển hàng hoá
  - Lưu thông tiền tệ và quá trình phân phối và phân phối lại
  - Lưu thông tiền tệ và quá trình hình thành các nguồn vốn

Thành phần của lưu thông tiền tệ gồm hình thức:

- Lưu thông tiền mặt: Tiền và hàng hoá vận động đồng thời, hay tiền thực hiện chức năng là phương tiện lưu thông.
- Lưu thông không dùng tiền mặt: Tiền và hàng hoá vận động không đồng thời, hay tiền thực hiện chức năng là phương tiện thanh toán.
- So sánh hai hình thức lưu thông tiền tệ. 3 - Thực trạng của lưu thông tiền tệ ở Việt Nam
- Tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt thấp và thanh toán bằng tiền mặt còn cao, tốc độ lưu thông chậm lý do:
  - Hệ thống ngân hàng- đặc biệt là hệ thống thanh toán chưa phát triển. Công nghệ ngân hàng cổ điển.
  - Ngân hàng mất lòng tin ở công chúng trong thời gian dài: Lãi suất âm ® công chúng gửi tiền- mất vốn- thanh toán chậm, ứ đọng vốn, gây lãng phí, nhầm lẫn và tiêu cực trong thanh toán

- Công chúng chưa có thói quen trong giao dịch với ngân hàng (mở tài khoản cá nhân và thanh toán qua ngân hàng)
- Phương thức thanh toán nghèo nàn, thủ tục lại phức tạp.
- Đồng tiền mất ổn định: lạm phát, kể cả lạm phát qua tín dụng phổ biến do hoạt động quản lý lưu thông tiền tệ còn nhiều hạn chế và chưa hiệu quả; Thiếu phát 1999-2002; lạm phát 2004.
- Tình trạng Đô-la hoá rất phổ biến: Lượng Đô-la trôi nổi trên thị trường lớn, thanh toán trực tiếp bằng Đô-la chiếm 30% tổng giá trị thanh toán; tiền gửi tiết kiệm bằng Đô-la chiếm tỷ trọng lớn. Nguyên nhân là do công chúng, các ngân hàng và cả nhà nước đều có thái độ chưa đúng, thậm chí “sùng bái” đồng Đô-la, chưa tin tưởng vào Đồng Việt Nam.

Các giải pháp khắc phục:

- Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng- đặc biệt là hệ thống thanh toán.
- Củng cố lòng tin ở công chúng và giáo dục nâng cao nhận thức của công chúng về hoạt động thanh toán khi dùng tiền mặt.
- Phổ biến mở tài khoản cá nhân và thanh toán qua các tài khoản đó, tăng cường dịch vụ ngân hàng tiện ích.
- Củng cố và hoàn thiện việc xây dựng thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia nhằm giữ vững và ổn định giá trị - sức mua - của đồng tiền.
- Không khuyến khích thậm chí chấm dứt việc các NHTM Nhà nước nhận tiền gửi bằng ngoại tệ.
- Ban hành và áp dụng nghiêm túc, thống nhất các hình thức kỷ luật trong thanh toán.

**Câu 11: Trong các loại hình quan hệ tín dụng đã học, những loại hình nào là phù hợp với sự phát triển kinh tế ở Việt Nam? Các biện pháp để củng cố và hoàn thiện?**

**Lời giải:**

Khái niệm tín dụng

Sơ lược lịch sử phát triển và vai trò của tín dụng

Các loại hình quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường: Do có những vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế, do vậy tín dụng cũng được chú trọng và phát triển.

Căn cứ vào chủ thể và đối tượng của quan hệ tín dụng, chúng ta có thể phân chia tín dụng thành các loại hình như sau:

- Tín dụng thương mại: Quan hệ **mua bán chịu hàng hoá** giữa những nhà **SX** và **KD** với nhau.
- Tín dụng Nhà nước: Nhà nước vay tiền của công chúng.

- Tín dụng ngân hàng: Quan hệ tín dụng tiền tệ giữa các ngân hàng với các chủ thể khác của nền kinh tế, trong đó ngân hàng vừa là người đi vay và cho vay.
- Tín dụng thuê mua: Quan hệ giữa các công ty cho thuê tài chính với các doanh nghiệp dưới hình thức cho thuê TSCĐ.
- Tín dụng tiêu dùng: Các công ty tài chính bán chịu hàng hoá tiêu dùng theo phương thức trả góp.
- Tín dụng quốc tế: quan hệ giữa các chủ thể của các nền kinh tế của các nước với nhau.

Các loại hình phù hợp với Việt Nam: Xuất phát từ nhu cầu phát triển và đặc điểm kinh tế, xã hội nước ta, các loại hình tín dụng sau đây cần được nghiên cứu củng cố và phát triển:

- Tín dụng ngân hàng.
- Tín dụng Nhà nước.
- Thuê mua, hay còn gọi là thuê tài chính.
- Tín dụng Quốc tế.

### **Câu 12: Vai trò của ngân hàng thương mại đối với sự phát triển kinh tế?**

Khái niệm và các chức năng của ngân hàng thương mại.

- Khái niệm
- Các chức năng của ngân hàng thương mại. 3- Khái quát hoạt động của ngân hàng thương mại:
  - Hoạt động nguồn vốn
  - Hoạt động sử dụng vốn
  - Hoạt động trung gian, cung cấp dịch vụ tài chính 4- Vai trò của ngân hàng thương mại:
    - Cung cấp nhu cầu vay vốn cho sự phát triển kinh tế
      - Tạo tiền: Tạo vốn cho sự phát triển kinh tế
      - Biến tiết kiệm thành đầu tư
    - Nâng cao hiệu quả kinh tế
      - Rút ngắn tốc độ lưu thông hàng hoá và tiền tệ
      - Góp phần làm cho sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục không bị đứt quãng cung cấp vốn đầu tư và các công cụ lưu thông tín dụng.
      - Thúc đẩy và củng cố hạch toán kinh tế
  - Tham gia vào sự ổn định và phát triển của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán.
    - Cung cấp thông tin, tư vấn và dịch vụ đầu tư.

- Tiến hành cung cấp các dịch vụ kinh doanh chứng khoán
- Tham gia kiểm soát các hoạt động kinh tế

Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động ngân hàng thương mại ở Việt Nam

- Thực trạng:
  - Hoạt động ở trình độ thấp về nghiệp vụ, chuyên môn đơn điệu hình thức huy động và cho vay
  - Chưa đáp ứng nhu cầu về vốn, mâu thuẫn cơ bản giữa hiện tượng thừa vốn ở ngân hàng và thiếu vốn của nền kinh tế (các doanh nghiệp).
  - Những hạn chế và tiêu cực.
  - Thiếu hoạt động trung gian tài chính và cung cấp dịch vụ tiện ích.
- Giải pháp:
  - Hiện đại hoá cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ
  - Tăng cường tính tự chủ và độc lập hơn
  - Thâm nhập vào nền kinh tế sâu hơn nữa
  - Cải tiến và đa dạng hoá các hoạt động cho vay và thu nợ cũng như thu hút nguồn vốn
  - Nâng cao trình độ nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của cán bộ nhân viên ngân hàng
- Song song với việc hoàn thiện pháp lệnh ngân hàng. Các ngân hàng thương mại nên đẩy mạnh các hình thức tín chấp. Xây dựng quan hệ lâu dài với khách hàng, củng cố uy tín với khách hàng.

**Câu 13: Trình bày nội dung quản lý hoạt động NHTM. Liên hệ thực tiễn với nền kinh tế Việt Nam?**

**Lời giải:**

Khái quát chung về ngân hàng thương mại:

- Khái niệm
- Vai trò và chức năng
- Các hoạt động cơ bản của NHTM

Yêu cầu của việc quản lý của hoạt động của ngân hàng thương mại

- Phòng chống rủi ro dẫn đến sự phá sản của NHTM có thể dẫn tới khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế.
- Ngăn ngừa hậu quả có thể xảy ra nếu như các NHTM tạo ra tiền gửi với hệ số cao và mất khả năng thanh toán - cho vay vượt nguồn.

- Nhằm phát huy vai trò của NHTM đối với sự phát triển kinh tế.

Nội dung quản lý:

- Quản lý Tài sản Nợ cũng là quản lý khả năng thanh toán: Xác định Hệ số khả năng thanh toán, bảo đảm sự an toàn ngân hàng
  - Sự biến động của nguồn vốn : Nguồn vốn an toàn
  - Quản lý quy mô Tài sản Nợ
- Quản lý dự trữ
  - Dự trữ bắt buộc (rr)
  - Dự trữ vượt quá (ER): Tiền mặt tại quỹ và Tiền mặt trong quá trình thu, tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương.
- Quản lý tiền cho vay
- Quản lý rủi ro do lãi suất:
  - Khi lãi suất biến dạng có thể gây ra rủi ro
  - Giải pháp khắc phục rủi ro do lãi suất gây ra: “khe hở lãi suất”, các nghiệp vụ SWAP và OPTIONS lãi suất.
- Quản lý rủi ro hối đoái:
  - Khi tỷ giá biến động gây ra thiệt hại cho các ngân hàng
  - Giải pháp khắc phục rủi ro tỷ giá: “khe hở tỷ giá”, các nghiệp vụ SWAP và HEDGING và OPTIONS tỷ giá.

Liên hệ với quản lý hoạt động ngân hàng thương mại ở Việt Nam:

- Nội dung thực hiện quản lý:
  - Quản lý tiền mặt: Thông qua các định mức
  - Quản lý tài sản nợ: Thông qua qui định về qui mô tài sản nợ = 20 lần vốn của ngân hàng
  - Quản lý tiền cho vay: Thông qua các nguyên tắc cho vay của tín dụng ngân hàng và quy chế của Ngân hàng Trung ương.
- Hạn chế:
  - Các quy định quản lý chỉ dừng lại trên lý thuyết, phi thực tiễn và bất cập với hiện thực (các nguyên tắc và quy trình cho vay, tài sản bảo đảm tiền cho vay)
  - Trước đây không đặt vấn đề quản lý rủi ro do lãi suất vì lãi suất do hệ thống ngân hàng (NHTU) qui định- không phải lãi suất thị trường.
  - Vì vậy tiêu cực nhiều, hoạt động của ngân hàng thương mại ở Việt Nam có mức độ rủi ro cao và còn nhiều hạn chế: gây ảnh hưởng xấu đến kinh tế và lòng tin của công chúng và nền kinh tế. Quản lý hoạt động ngân hàng lúc thì

quá lỏng lẻo, lúc lại quá cứng nhắc; không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế.

**Câu 14: Phân tích sự khác biệt giữa ngân hàng thương mại với các tổ chức tài chính trung gian phi ngân hàng. ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu?**

**Lời giải:**

Khái quát chung về các loại hình trung gian tài chính:

- Hệ thống tài chính trong các nền KTTT: Các trung gian tài chính
- Các ngân hàng thương mại
- Các trung gian tài chính phi ngân hàng

Phân biệt về nguồn vốn giữa các NHTM và các TGTC phi ngân hàng:

- Nguồn vốn của ngân hàng thương mại: đặc điểm và nguồn hình thành
- Nguồn vốn của các TGTC phi ngân hàng

Phân biệt về hoạt động:

- Hoạt động cơ bản của các ngân hàng thương mại
- Hoạt động của một số TGTC phi ngân hàng điển hình

Về khả năng tạo tiền:

- Các ngân hàng thương mại có khả năng tạo tiền gửi
- Các TGTC phi ngân hàng không thể.

ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

- Sự phát triển của hệ thống tài chính ở Việt Nam: các TGTC phi ngân hàng ra đời và bước đầu phát triển.
- Những hạn chế của hệ thống ngân hàng.
- Sự chùng chéo các chức năng của hai loại hình TGTC này.
- Hệ thống pháp lý điều tiết.

**Câu 15. Phân tích các chức năng của ngân hàng Trung ương. Liên hệ với hoạt động của ngân hàng nhà nước Việt Nam với tư cách là ngân hàng Trung ương.**

**Lời giải:**

Sơ lược về sự ra đời và khái niệm ngân hàng Trung ương 2- Các chức năng của ngân hàng Trung ương:

- Phát hành và quản lý lưu thông tiền tệ trong cả nước
  - Phát hành tiền mặt- tiền theo nghĩa hẹp phục vụ lưu thông tiền mặt và làm cơ sở cho quá trình cung ứng tiền tệ.
  - ấn định mức cung tiền tệ ( $M^S$ ) thông qua các công cụ chính sách giúp cho hệ thống các NHTM tạo ra tiền mở rộng đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế



- Quản lý toàn bộ quá trình lưu thông tiền tệ, giống như một chiếc bơm- “bơm” hay “hút” lượng tiền đối với nền kinh tế sao cho đảm bảo mối quan hệ cân bằng giữa  $M^S$  và  $M^d$  cũng như đảm bảo những yêu cầu và mục tiêu phát triển khác của nền kinh tế - xã hội (qua CSTTQG).
- Là ngân hàng của các ngân hàng- Người cho vay cuối cùng của nền kinh tế và là bạn hàng của các ngân hàng thương mại:
- Ngân hàng Trung ương nhận tiền gửi của các ngân hàng thương mại dưới các hình thức khác nhau: Dự trữ bắt buộc; Tiền gửi thanh toán... Nhằm mục đích đảm bảo sự an toàn và khả năng thanh toán của các ngân hàng thương mại.
- Tổ chức điều chuyển vốn (dàn xếp các nhu cầu về vốn) giữa các ngân hàng thương mại- hoạt động cơ bản của thị trường tiền tệ liên ngân hàng.
- Ngân hàng trung ương cho vay đối với các ngân hàng thương mại dưới các hình thức (hạn mức, tái chiết khấu ...) nhằm mục đích đảm bảo khả năng thanh toán cho các ngân hàng thương mại và thông qua ngân hàng thương mại để cung cấp vốn cho nền kinh tế, mở rộng lượng tiền cung ứng ( $M^S$ ) tùy theo những thời kỳ khác nhau.
- Ngân hàng trung ương thực hiện thanh toán bù trừ cho các ngân hàng thương mại: Trong hệ thống của ngân hàng trung ương gồm nhiều chi nhánh hoặc phòng đại diện có thể bố trí theo khu vực (Mỹ và các nước khác) hoặc theo địa giới hành chính (Việt Nam), mỗi chi nhánh hoặc phòng đại diện là một trung tâm thanh toán bù trừ và thực hiện các chức năng của ngân hàng trung ương tại địa phương hay khu vực đó.
- Ngân hàng trung ương là ngân hàng nhà nước, không phải chỉ với nghĩa thuộc sở hữu nhà nước mà nhấn mạnh vào các nội dung:
- Nhận tiền gửi và cho ngân sách nhà nước vay tiền dưới hình thức làm đại lý phát hành công trái quốc gia và tín phiếu kho bạc.
- Thanh toán không dùng tiền mặt cho hệ thống kho bạc
- Quản lý chi tiêu của chính phủ, đặc biệt ở những nước chưa có hệ thống kho bạc phát triển.
- Thay mặt nhà nước thực hiện quản lý vĩ mô đối với toàn bộ hệ thống tài chính, các TCTD, các hoạt động về tiền tệ, tín dụng, lãi suất đối với toàn bộ các TCTD, và các loại hình tổ chức kinh doanh tiền tệ, tín dụng khác trong nền kinh tế.
- Xây dựng các dự án vay vốn nước ngoài, quản lý sử dụng theo dõi hoàn trả nợ nước ngoài, thực hiện các nghĩa vụ tài chính tiền tệ quốc tế.

Liên hệ với thực tiễn hoạt động của ngân hàng nhà nước Việt Nam

Ngân hàng nhà nước Việt Nam thực sự đóng vai trò là ngân hàng thương mại từ năm 1988 và nhất là từ khi có pháp lệnh ngân hàng 1990. Đã thực hiện các chức năng:

- Phát hành và quản lý lưu thông tiền tệ trong cả nước
- Là ngân hàng của các ngân hàng Việt Nam
- Là ngân hàng của Nhà nước

Tồn tại:

- Hoạt động điều hành và quản lý LTTT chưa có quy chế thống nhất và hoàn chỉnh nên chưa thực sự chủ động và hiệu quả.
- Bị lệ thuộc nặng nề vào Chính phủ
- Năng lực tài chính còn hạn chế
- Quản lý đối với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng tiền tệ khác chưa theo qui định thống nhất (lúc lỏng, lúc chặt quá) gây khó khăn cho hoạt động của các tổ chức này.
- Mối quan hệ giữa ngân hàng nhà nước với các ngân hàng thương mại chưa rõ ràng, mức độ can thiệp lại quá sâu: bản chất hệ thống một cấp.

Giải pháp khắc phục:

- Xây dựng qui chế hoạt động nhằm xác định rõ mối quan hệ giữa: Ngân hàng Trung ương và Chính phủ; Ngân hàng Trung ương và Bộ Tài chính; Ngân hàng Trung ương với các ngân hàng thương mại.
- củng cố vị trí tài chính của ngân hàng trung ương
- Xây dựng qui chế điều tiết lưu thông tiền tệ, tỷ giá, hoạt động của các ngân hàng thương mại, các tổ chức kinh doanh tiền tệ và tài chính và với thị trường tài chính nói chung. Kể cả chính sách lãi suất, dự trữ bắt buộc v.v...
- Cơ cấu lại hoạt động các vụ chức năng.

**Câu 16: Phân tích thực trạng của chi tiêu Ngân sách Nhà nước ở Việt Nam và biện pháp khắc phục?**

**Lời giải:**

Khái quát chung về Ngân sách Nhà nước:

- Khái niệm về Ngân sách Nhà nước.
- Khái quát chung về hoạt động của Ngân sách Nhà nước.
- Vai trò của Ngân sách Nhà nước.

Chi tiêu Ngân sách Nhà nước:

- Nội dung các hoạt động (khoản mục) chi tiêu của Ngân sách Nhà nước và ý nghĩa của các hoạt động chi tiêu đó.
- Phương thức xác định cơ cấu chi tiêu của Ngân sách Nhà nước.

Thực trạng chi tiêu của Ngân sách Nhà nước ở Việt Nam:

- Lựa chọn đối nghịch, không hiệu quả trong các dự án đầu tư của Ngân sách Nhà nước.
- Những bất cập trong cơ cấu chi tiêu và hậu quả của những bất cập này.
- Bội chi, lạm chi và phát hành bù đắp chi tiêu ở nước ta rất phổ biến.
- Tiêu cực, tham nhũng ở khắp mọi nơi, mọi công trình.
- Quản lý kém hiệu quả.

Các biện pháp để khắc phục:

- Mô hình hoá việc xác định cơ cấu chi tiêu.
- Luật pháp hoá quản lý chi tiêu.
- Xử lý nghiêm minh các vụ việc tiêu cực để làm bài học.
- Công khai dân chủ thực sự trong việc quản lý sử dụng Ngân sách Nhà nước.